

Bản án số: 123/2024/DSPT

Ngày 27 - 3- 2024

V/v *Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Đức;  
Ông Nguyễn Duy Thuần.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:** Bà Trương Thị Thu Thủy  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLPT- DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp liên quan đến tài sản cưỡng chế thi hành án*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thiện T – Chấp hành viên – Chi cục thi hành án dân sự huyện E; địa chỉ: Tổ dân phố A, Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

\* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H; trú tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

*Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức T1:* Bà Trương Thị Thu H; trú tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trương Thị Thu H:* Ông Võ Hữu D - Luật sư Công ty TNHH MTV Đ1; địa chỉ: C N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Phú N và ông Nguyễn Bảo T2; cùng trú tại: Thôn H, xã C,

huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phú N:* Ông Nguyễn Bảo T2; trú tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

2. Bà Hoàng Thị N1 (đã chết).

Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà N1: Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Anh Đ, ông Nguyễn Bá M, ông Nguyễn Đức T1; cùng địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, bà T3, bà H1, ông M, bà L, ông T1: Bà Nguyễn Thị Anh Đ; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị H3; địa chỉ: Tổ dân phố A, Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3: Ông Nguyễn Đình C; trú tại: Tổ dân phố F, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

**\*Người kháng cáo:** Bà Trương Thị Thu H, ông Nguyễn Bảo T2, bà Nguyễn Thị Anh Đ, bà Nguyễn Thị H3.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T trình bày:**

Theo yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án, Chi cục thi hành án đã tiến hành giải quyết theo đơn của người dân. Quá trình giải quyết, Thi hành án tiến hành xác minh, thu thập thông tin xác định hiện nay ông T1, bà H có các tài sản gồm các thửa đất số 405, tờ bản đồ số 32 và thửa đất số 394, tờ bản đồ số 111 cùng các tài sản trên đất. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh, hiện các tài sản này đang được cấp cho hộ gia đình ông T1, bà H. Căn cứ Điều 74 của Luật thi hành án dân sự, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện E đã thông báo cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H có quyền thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Ngày 05/07/2022, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã thụ lý đơn yêu cầu phân chia tài sản chung của ông Nguyễn Bảo T2, là thành viên trong hộ gia đình. Tuy nhiên, đến ngày 22/08/2022, ông Nguyễn Bảo T2 đã rút yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã đình chỉ giải quyết.

Để có cơ sở giải quyết việc thi hành án, ngày 10/11/2022, Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện E đã ban hành thông báo số 184/TB-CCTHADS, gửi đến những người được thi hành án hướng dẫn việc yêu cầu khởi kiện tại Tòa án về việc phân chia tài sản nêu trên. Tuy nhiên, đến nay không có ai khởi kiện theo quy định.

Thực hiện theo Điều 74 của Luật thi hành án dân sự, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết như sau: Xác định phần quyền

sở hữu tài sản, phân quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H trong khối tài sản chung hộ gia đình, đối với tài sản: Diện tích 653,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất 394, tờ bản đồ số 111, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 021116, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 11/10/2019; Diện tích 210m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 621767, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 26/11/2007 cùng các tài sản trên đất.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\* Bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức T1, là bà Trương Thị Thu H trình bày:** Tôi xác định năm 1995 tôi với ông T1 đăng ký kết hôn, sinh sống đến năm 2005, sống tại thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tôi xác định thửa đất số 394, tờ bản đồ số 111 có nguồn gốc từ năm 1987 do mẹ của ông T1 là bà N1 mua lại của hộ gia đình sống liền kề, sau đó tự làm bì đất canh tác từ thời điểm năm 1987 cho đến nay, các tài sản trên đất là tài sản của hộ gia đình chúng tôi. Đối với thửa đất này sau khi tách một phần diện tích của thửa đất số 391 để chuyển nhượng cho gia đình ông S còn lại hộ gia đình chúng tôi làm bì mới.

Đối với thửa đất số 405, tờ bản đồ số 32 có nguồn gốc từ mẹ chồng tôi là bà N1 bán rẫy từ năm 2005 sau đó dùng tiền này vào việc nhận chuyển nhượng đất của hộ ông Y B Ê Ban, sau đó hộ gia đình chúng tôi đi làm thủ tục cấp đất cho hộ gia đình. Đối với tài sản trên đất được xây dựng năm 2012.

Tôi xác định mẹ chồng tôi là bà N1 sống chung với gia đình chúng tôi từ trước thời điểm tôi với ông T1 đăng ký kết hôn và cho đến thời điểm bà N1 chết. Việc cấp đất cho hộ gia đình chúng tôi gồm có 05 người, gồm vợ chồng tôi, bà N1, các con là cháu T2 và cháu N. Từ thời điểm bà N1 chết cho đến nay hộ gia đình chúng tôi cũng chưa làm văn bản khai nhận di sản thừa kế.

Nay, nguyên đơn khởi kiện, tôi xác định toàn bộ tài sản đang yêu cầu là khối tài sản chung của hộ gia đình chúng tôi gồm 05 người, gồm vợ chồng tôi, bà N1, các con là cháu T2 và cháu N, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\* Ông Nguyễn Bảo T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phú N trình bày:**

Về nguồn gốc của khối tài sản trên đồng ý theo nội dung trình bày của bà H là mẹ tôi, tôi xác định đây là khối tài sản chung của hộ gia đình chúng tôi gồm có 05 thành viên theo như sổ hộ khẩu, bố mẹ tôi ông T1, bà H, bà nội là bà N1, các con là T2 và N. Nay, theo đơn khởi kiện của bên nguyên đơn, tôi đề nghị Tòa xác định khối tài sản chung là của 05 người như lời trình bày của mẹ tôi là bà H, bà nội tôi đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế được nhận phần di sản của bà nội để lại, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh Đ, đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N1 trình bày:**

Tôi xác định, bà Hoàng Thị N1 là mẹ tôi hiện nay đã chết, bà N1 chết năm 2020, các hàng thừa kế của bà N1 gồm: bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Anh Đ, ông Nguyễn Bá M, ông Nguyễn Đức T1. Tài sản đang yêu cầu phân chia là của chung 05 người như lời trình bày của bà H, cháu T2. Nay, nguyên đơn khởi kiện tôi đề nghị phân chia cho 05 thành viên hộ gia đình. Vì mẹ chúng tôi đã chết nên đề nghị xem xét phần di sản do người chết để lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

**\* Ông Nguyễn Đình C là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H3 trình bày:** Việc bà H3 có cho ông T1, bà H vay tiền đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, bà H3 hiện đang giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bản gốc liên quan đến 02 thửa đất hiện nay đang yêu cầu giải quyết trong vụ án. Trong bản án có tuyên bà H3 chỉ có trách nhiệm trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính khi ông T1, bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc ông T yêu cầu xác định tài sản của ông T1, bà H trong khi bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa xem xét bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà H3.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2023/DSST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện EaKar đã quyết định:**

- Căn cứ vào khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 209, Điều 212 của Bộ luật Dân sự.
- Điều 29, Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Điều 74 của Luật thi hành án dân sự.
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T.

- Ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H có quyền sở hữu, quyền quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản chung, gồm: Diện tích 210m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 621767, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 26/11/2007. Các tài sản trên đất: 01 mái hiên lợp tôn, sắt diện tích 70m<sup>2</sup>; 01 nhà xây cấp 04 năm 2012, diện tích 140m<sup>2</sup>; 01 giếng đào đường kính 1,2m, sâu 10m.

- Ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H có quyền sở hữu, quyền quản lý, sử dụng đất 2/5 trong toàn bộ khối tài sản chung là: Diện tích 653,1m<sup>2</sup>, tọa

lạc tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất 394, tờ bản đồ số 111, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 021116, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 11/10/2019. Trên đất có các tài sản: 03 cây sưa trồng năm 2015; 01 bụi chuối; 05 cây đào trồng năm 2022; 01 cây đu đủ; 01 cây ổi trồng năm 2018; 01 cây sao trồng năm 2015; 01 cây măng cầu na trồng năm 2015; 01 cây quất trồng năm 2022; 01 cây bưởi trồng năm 2022; 03 cây cau cảnh trồng năm 2015; 04 cây bằng lăng trồng năm 2015; 02 cây lộc vừng trồng năm 2012; 01 bể nước đường kính 4,8m, sâu 1,2m.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày 10/10/2023, ngày 12/10/2023 và ngày 17/10/2023 bà Trương Thị Thu H là bị đơn, bà Nguyễn Thị Anh Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N1, anh Nguyễn Bảo T2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Cấp sơ thẩm xác định vụ án dân sự là không đúng mà đây là việc dân sự và giải quyết theo thủ tục việc dân sự, bản án không xác định được tài sản của người phải thi hành án. Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 12/10/2023 bà Nguyễn Thị H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung : Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên đơn kháng cáo.

**Luật sư Võ Hữu D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị Thu H trình bày:**

Cấp sơ thẩm có những vi phạm về thủ tục tố tụng như sau:

Khi nhận đơn khởi kiện cấp sơ thẩm chưa xác định được đây là vụ án dân sự hay việc dân sự để hướng dẫn cho chấp hành viên sửa lại đơn khởi kiện thành đơn yêu cầu và xác định đây là việc dân sự phù hợp với quy định tại Điều 362 và 363 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác định ông Nguyễn Thiện T là nguyên đơn là chưa đúng. Đối với yêu cầu của chấp hành viên là chưa phù hợp vì quá trình thi hành án thực hiện không đúng quy định tại Điều 74 Luật thi hành án thông báo về quyền phân chia tài sản chung cho các thành viên trong hộ gia đình.

Đưa bà Nguyễn Thị H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, vì bà H3 đã được giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận

kháng cáo của bà Trương Thị Thu H, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

**Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:**

- *Về tố tụng*: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Anh Đ, bà Nguyễn Thị H3 – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Bảo T2 do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt coi như từ bỏ kháng cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với anh Nguyễn Bảo T2 là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Bảo T2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Trương Thị Thu H là bị đơn, bà Nguyễn Thị Anh Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N1 cho rằng cấp sơ thẩm xác định vụ án dân sự là không đúng mà đây là việc dân sự và giải quyết theo thủ tục việc dân sự nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án thì chấp hành viên - Chi cục thi hành án dân sự huyện E đề nghị Tòa án xác định phần sở hữu tài sản của ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H (là người phải thi hành án) đối các thửa đất số 405, tờ bản đồ số 32, diện tích 210m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 621767, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 26/11/2007 cùng các tài sản trên đất và thửa đất số 394, tờ bản đồ số 111, diện tích 653,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 021116, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 11/10/2019 cùng các tài

sản trên đất. Trong vụ án này các đương sự có sự tranh chấp với nhau về quyền sở hữu tài sản. Do đó, cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 12 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của bà Trương Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Anh Đ cho rằng đây là việc dân sự là không có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Trương Thị Thu H là bị đơn, bà Nguyễn Thị Anh Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N1 cho rằng cấp sơ thẩm không xác định được tài sản của người phải thi hành án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Diện tích đất 653,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất 394, tờ bản đồ số 111, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 021116, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 11/10/2019. Trên đất có các tài sản gồm: 03 cây sưa trồng năm 2015; 01 bụi chuối; 05 cây đào trồng năm 2022; 01 cây đu đủ; 01 cây ổi trồng năm 2018; 01 cây sao trồng năm 2015; 01 cây măng cầu na trồng năm 2015; 01 cây quất trồng năm 2022; 01 cây bưởi trồng năm 2022; 03 cây cau cảnh trồng năm 2015; 04 cây bằng lăng trồng năm 2015; 02 cây lộc vừng trồng năm 2012; 01 bể nước đường kính 4,8m, sâu 1,2m. Xét về nguồn gốc thửa đất 394, tờ bản đồ số 111 có nguồn gốc năm 1987 chuyển nhượng lại của hộ gia đình khác (không nhớ tên) chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2019 gia đình ông T1, bà H thực hiện thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 22/08/2019 được Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 001074 cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H đối với thửa đất số 391, tờ bản đồ số 111. Ngày 24/09/2019 hộ gia đình gồm ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, anh Nguyễn Bảo T2, anh Nguyễn Phú N và bà Hoàng Thị N1 chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Nguyễn Văn S1, bà Chu Thị L1, các bên tiến hành thực hiện thủ tục tách thửa, phần còn lại của diện tích không chuyển nhượng được tách thành thửa đất số 394, đứng tên hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 11/10/2019.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ là hồ sơ cấp đất thì xác định đây là tài sản được các bên thừa nhận sáp nhập vào tài sản chung của hộ gia đình gồm 05 thành viên có được từ việc canh tác từ năm 1987, sau đó đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý canh tác cho đến hiện tại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T1, bà H được quyền sở hữu, quyền sử dụng đất 2/5 trong khối tài sản chung này là có căn cứ.

- Diện tích đất 210m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 621767, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 26/11/2007. Các tài sản trên đất gồm: 01 mái hiên

lợp tôn, sắt diện tích 70m<sup>2</sup>; 01 nhà xây cấp 04 xây năm 2012, diện tích 140m<sup>2</sup>; 01 giếng đào đường kính 1,2m, sâu 10m.

Xét về nguồn gốc đất, cùng các tài sản trên đất nằm trong thửa đất số 405, tờ bản đồ số 32 có được do ông Nguyễn Đức T1 nhận chuyển nhượng từ gia đình ông Y B Êban năm 2005, đến năm 2007 các bên thực hiện thủ tục tách thửa, ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H có đơn xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/09/2007, đến ngày 26/11/2007 được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H. Do đó, đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, do vợ chồng cùng nhau bỏ công sức đóng góp, tạo lập mà có, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của ông T1, bà H là có căn cứ.

Bà H, anh N, anh T2, bà Đ cho rằng nguồn tiền mua diện tích đất nói trên là do bà Hoàng Thị N1 (mẹ của ông T1) đưa cho ông T1 trả tiền đất, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, đồng thời tại thời điểm nhận chuyển nhượng anh Nguyễn Phú N 06 tuổi, anh Nguyễn Bảo T2 09 tuổi, còn nhỏ, sống phụ thuộc gia đình nên không có công sức đóng góp trong khối tài sản chung nêu trên nên không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H có quyền sở hữu, quyền quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản chung, gồm: Diện tích 210m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 621767, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 26/11/2007. Các tài sản trên đất gồm: 01 mái hiên lợp tôn, sắt diện tích 70m<sup>2</sup>; 01 nhà xây cấp 04 xây năm 2012, diện tích 140m<sup>2</sup>; 01 giếng đào đường kính 1,2m, sâu 10m và có quyền sở hữu, quyền quản lý, sử dụng đất 2/5 trong toàn bộ khối tài sản chung là: Diện tích 653,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất 394, tờ bản đồ số 111, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 021116, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 11/10/2019. Trên đất có các tài sản gồm: 03 cây sưa trồng năm 2015; 01 bụi chuối; 05 cây đào trồng năm 2022; 01 cây đu đủ; 01 cây ôi trồng năm 2018; 01 cây sao trồng năm 2015; 01 cây măng cầu na trồng năm 2015; 01 cây quất trồng năm 2022; 01 cây bưởi trồng năm 2022; 03 cây cau cảnh trồng năm 2015; 04 cây bằng lăng trồng năm 2015; 02 cây lộc vừng trồng năm 2012; 01 bể nước đường kính 4,8m, sâu 1,2m là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H, bà Đ về nội dung này.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H3 đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, thấy rằng:

Bà H3 cho rằng hiện bà đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 621767, do Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 26/11/2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số



CS 021116, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 11/10/2019 nhưng chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của ông T1, bà H trong khối tài sản nói trên sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị H3 cũng là một trong những người được thi hành án, việc chấp hành viên đề nghị xác định quyền sở hữu các tài sản nêu trên là nhằm để đảm bảo cho việc thi hành án theo các quyết định của người được thi hành án trong đó có bà Nguyễn Thị H3. Như vậy, quyền và lợi ích của bà H3 vẫn được đảm bảo. Do đó, kháng cáo của bà H3 đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Thu H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh Đ, bà Nguyễn Thị H3 là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo bà H, bà Đ, bà H3, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện EaKar.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H, bà Đ, bà H3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Bảo T2 đã nộp.  
*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Thu H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh Đ, bà Nguyễn Thị H3, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2023/DSST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện EaKar.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Bảo T2.

[2]. Căn cứ vào khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 209, Điều 212 của Bộ luật Dân sự.

- Điều 29, Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 74 của Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ,ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thiện T.

- Ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H có quyền sở hữu, quyền quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản chung, gồm: Diện tích 210m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 621767, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 26/11/2007. Các

tài sản trên đất: 01 mái hiên lợp tôn, sắt diện tích 70m<sup>2</sup>; 01 nhà xây cấp 04 năm 2012, diện tích 140m<sup>2</sup>; 01 giếng đào đường kính 1,2m, sâu 10m.

- Ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H có quyền sở hữu, quyền quản lý, sử dụng đất 2/5 trong toàn bộ khối tài sản chung là: Diện tích 653,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất 394, tờ bản đồ số 111, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 021116, được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H, ngày 11/10/2019. Trên đất có các tài sản: 03 cây sưa trồng năm 2015; 01 bụi chuối; 05 cây đào trồng năm 2022; 01 cây đu đủ; 01 cây ổi trồng năm 2018; 01 cây sao trồng năm 2015; 01 cây măng cầu na trồng năm 2015; 01 cây quất trồng năm 2022; 01 cây bưởi trồng năm 2022; 03 cây cau cảnh trồng năm 2015; 04 cây bằng lăng trồng năm 2015; 02 cây lộc vừng trồng năm 2012; 01 bể nước đường kính 4,8m, sâu 1,2m.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Thiện T 3.000.000 đồng.

[4]. Về án phí

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T1, bà Trương Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch.

Nguyên đơn không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nên không đề cập giải quyết.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trương Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Anh Đ, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp (bà Nguyễn Thị Anh Đ nộp thay) theo biên lai thu số AA/2023/0000029, bà Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000028, các biên lai nộp cùng ngày 17/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Bà Nguyễn Thị H3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H3 đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000082, ngày 27/10/2023 tại Chi cục thi hành án huyện E.

Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Bảo T2 đã nộp (bà Nguyễn Thị Anh Đ nộp thay) theo biên lai thu số AA/2023/0000031, ngày 17/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký)

**Nguyễn Thị Hằng**